

Bản tin thị trường

27.02.2023

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

SRC, VHC

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Thị trường hướng về mốc hỗ trợ cũ

Thị trường đã có phiên giảm thứ 5 liên tiếp và phá vỡ vùng hỗ trợ đầu tiên quanh 1030. Dòng tiền tham gia thị trường hôm nay thật ra khá tích cực, có những đợt cao trào kéo chỉ số Vnindex chỉ còn mất khoảng 10 điểm. Tuy nhiên phía bán ra khá dai dẳng và có thêm phần đóng góp từ khối ngoại làm chùng tay khá nhiều bên mua. Hôm nay khối ngoại bán ròng đến 650 tỷ trong đó tập trung mạnh ở VHM, SSI, STB, DXG, VND, MSN và NVL. Nhiều thông tin liên quan trái phiếu NVL đã làm ảnh hưởng khá nhiều các cổ phiếu ngân hàng và cả bản thân NVL. Cổ phiếu ngân hàng giảm khá sâu trong ngày trung bình khoảng -2% trong đó HDB, OCB, STB mất gần -3%. CTG, BID, VCB giảm ít nhất cũng khoảng -0.5%.

Cổ phiếu dầu khí và bảo hiểm, vận tải là các nhóm ngành ít chịu ảnh hưởng nhất từ thị trường. Nhóm chứng khoán, bất động sản và bán lẻ giảm nhiều nhất và nhiều cổ phiếu đã chạm lại các mức hỗ trợ mạnh cũ như VCI, SSI, VND, CTS, DXG, DIG, HDG ...

Đợt rơi hiện tại của thị trường đang ở trạng thái quá mức khi chịu ảnh hưởng tâm lý vừa tình hình quốc tế lẫn hoạt động kinh tế trong nước mà nổi cộm là tình hình trái phiếu doanh nghiệp. Nhiều khả năng vùng hỗ trợ 1000 sẽ gặp thử thách trong 1,2 phiên tới nhưng kỳ vọng đáy ngắn hạn sẽ nằm trên mốc 1000.



Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex rơi liên tiếp mất gần 60 điểm trong 5 phiên liên tiếp và đang phá vỡ ngưỡng hỗ trợ cũ quanh 1030. Ngưỡng hỗ trợ tâm lý cũng là vùng đỡ mạnh 1000 có thể gặp thử thách ngay trong phiên ngày mai. Dù xu hướng giảm vẫn khá dốc và chưa có tín hiệu dừng lại nhưng vẫn kỳ vọng thị trường sẽ tìm được điểm cân bằng quanh vùng 980-1000 trong ngắn hạn. Một số cổ phiếu đã chạm các vùng đỡ hỗ trợ mạnh bên dưới và nhà đầu tư có thể xem xét giải ngân dần ở mức 10% -20% như HPG, HSG, VCI, LCG, TNG, PVD, PVS.

Tin Doanh Nghiệp

Cao su Sao Vàng đặt mục tiêu năm 2023 lãi gấp gần 3 lần năm ngoái



CTCP Cao su Sao Vàng (Mã: SRC) vừa công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với 2.000 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế khoảng 100 tỷ đồng lần lượt gấp 2,2 lần và gấp 2,6 lần kết quả năm 2022. Ngoài ra, SRC còn dự kiến mức chia cổ tức năm 2023 không thấp hơn 10%.

Năm 2022, hai doanh nghiệp sẫm lớp trên sàn chứng khoán là CTCP Cao su Đà Nẵng (Mã: DRC) và CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam (Mã: CSM) đều ghi nhận sự hồi phục đáng kể sau dịch COVID-19 với lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 308 tỷ đồng (tăng 6% so với cùng kỳ) và 79 tỷ đồng (tăng 114% so với cùng kỳ).

Trong khi đó, lũy kế cả năm 2022, doanh thu thuần SRC ghi nhận 915 tỷ đồng giảm 4%, lợi nhuận trước thuế là 38 tỷ đồng giảm 27% so với cùng kỳ. Với kết quả trên, công ty mới hoàn thành 46% mục tiêu doanh thu và 35% kế hoạch lợi nhuận năm.

Về tình hình tài chính, tổng tài sản của SRC tại ngày 31/12/2022 khoảng 1.245 tỷ đồng, không thay đổi nhiều so với đầu năm. Khoản tiền, tương đương với tiền, tiền gửi có kỳ hạn khoảng 36 tỷ đồng, giảm 23% so với đầu năm. Hàng tồn kho tăng 13% lên 323 tỷ đồng, chủ yếu là thành phẩm và nguyên vật liệu.

Cuối quý IV/2022, tổng nợ vay của công ty khoảng 357 tỷ đồng, chiếm 29% tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu đạt 439 tỷ đồng bao gồm 59 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Doanh thu xuất khẩu của Vĩnh Hoàn sụt tháng thứ ba liên tiếp

CTCP Vĩnh Hoàn (Mã: VHC) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 1/2023 với doanh thu xuất khẩu giảm 45% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 462 tỷ đồng, thấp nhất kể từ tháng 3/2021 và là tháng thứ ba liên tiếp ghi nhận doanh thu tăng trưởng âm.

Tháng đầu năm 2023, tất cả các ngành hàng đều ghi nhận sự sụt giảm mạnh về doanh thu, trong đó cá tra giảm 44% xuống 273 tỷ đồng, sản phẩm phụ giảm 54% còn 54 tỷ đồng. Các mảng chăm sóc sức khỏe, bánh phồng tôm và sản phẩm giá trị gia tăng lần lượt giảm 74%, 42% và 17% so với cùng kỳ năm ngoái.

Xét về thị trường xuất khẩu, Mỹ (nước nhập khẩu chính sản phẩm của Vĩnh Hoàn) giảm tới 65% xuống 117 tỷ đồng, thị trường châu Âu cũng sụt giảm tới 28%. Doanh thu tại thị trường nội địa cũng đi xuống 34% còn 140 tỷ đồng. Trong khi đó, thị trường Trung Quốc có sự cải thiện 22% lên 32 tỷ đồng nhờ chính sách mở cửa, song tỷ trọng đóng góp vào doanh thu chung không lớn.

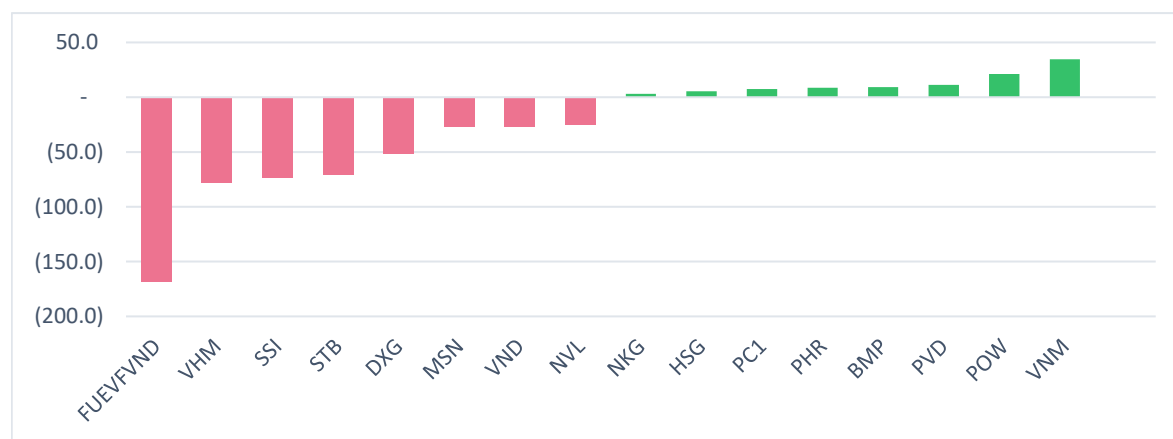
Kết thúc tháng đầu năm cho thấy, xuất khẩu thủy sản chỉ đem về 600 triệu USD, giảm tới 31% so với tháng 1/2022, trong đó xuất khẩu cá tra cá tra giảm tới 50% về 107 triệu USD. VASEP dự báo, bức tranh xuất khẩu thủy sản sẽ không thể bừng sáng trở lại ngay trong những tháng đầu năm khi mà nền kinh tế thế giới được dự báo có thể sẽ rơi vào suy thoái trong năm nay.

Lợi thế sẽ nghiêng nhiều hơn về các ngành hàng có giá vừa phải vì phù hợp với tầng lớp người tiêu dùng thu nhập thấp hoặc trung bình – vốn là nhóm bị ảnh hưởng mạnh nhất bởi lạm phát. Ngoài ra, việc Trung Quốc mở cửa mang lại hy vọng lớn về sự hồi phục nhu cầu không chỉ ở thị trường này mà cả các thị trường khác trên thế giới, khi mà du lịch và giao thương được thông suốt. Và sự hồi phục mà thị trường này mang lại cũng sẽ có kết quả rõ ràng ít nhất là từ quý II/2023.





Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	24.3	5,995,200	6.0	1.4	273,760	273,760	4,053	17,303
BID	HOSE	44.3	2,040,300	12.3	2.1	49,100	265,920	3,597	20,600
CTG	HOSE	27.6	5,961,800	7.8	1.2	46,900	158,300	3,518	22,536
EIB	HOSE	18.2	400,100	7.6	1.1	70,510	52,100	2,384	16,576
HDB	HOSE	16.9	1,779,000	5.5	1.1	140,900	1,111,380	3,063	15,411
LPB	HOSE	13.8	6,317,800	5.3	1.0	70,900	311,500	2,608	13,912
MBB	HOSE	17.3	9,550,900	4.5	1.0	1,963,900	1,963,950	3,856	17,559
MSB	HOSE	12.0	3,089,500	5.2	0.9	400	10,300	2,325	13,423
OCB	HOSE	16.4	2,454,900	6.4	0.9	2,400	10,600	2,562	18,448
SHB	HOSE	9.8	14,782,600	3.9	0.7	122,240	431,200	2,512	13,939
SSB	HOSE	31.5	1,439,300	15.9	2.5	-	22,400	1,986	12,857
STB	HOSE	23.6	13,785,600	8.8	1.2	618,710	3,622,500	2,674	20,489
TCB	HOSE	27.0	4,810,300	4.7	0.8	4,505,000	4,505,000	5,729	32,248
TPB	HOSE	23.3	2,456,300	5.9	1.1	19,840	-	3,958	20,382
VCB	HOSE	92.8	904,300	14.7	3.2	33,520	303,160	6,316	29,158
VIB	HOSE	20.6	1,822,400	5.1	1.3	200,000	200,000	4,018	15,492
VPB	HOSE	17.0	12,627,600	6.3	1.1	625,600	600,600	2,695	15,351
BAB	HNX	14.0	7,700	13.2	1.2	-	-	1,057	12,082
NVB	HNX	17.5	45,500		1.7	-	1,000	0	10,290
VBB	UPCOM	11.3	18,400	10.4	0.9	-	-	1,082	13,101
VAB	UPCOM	7.3	136,700	4.2	0.5	-	-	1,731	13,530
SGB	UPCOM	12.4	36,500		1.0	-	-	617	12,659
PGB	UPCOM	17.2	12,000	12.8	1.1	-	-	1,349	15,285
NAB	UPCOM	9.4	267,000			15,000	-		
KLB	UPCOM	10.5	5,500	7.0	0.7	-	-	1,491	14,191
BVB	UPCOM	10.8	619,400	10.9	0.8	-	-	992	13,628
ABB	UPCOM	7.9	2,119,300	5.5	0.6	-	-	1,442	13,873
			93,485,900	7.91	1.20	8,758,680	13,843,670	2,601	16,705



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VDP	HOSE	14/03/2023	15/03/2023	18/05/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SAB	HOSE	02/03/2023	03/03/2023	24/03/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	BDB	HNX	28/02/2023	01/03/2023	14/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	DAD	HNX	23/02/2023	24/02/2023	22/03/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NDP	UPCoM	23/02/2023	24/02/2023	26/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	APF	UPCoM	23/02/2023	24/02/2023	10/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CLC	HOSE	23/02/2023	24/02/2023	16/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	NTH	HNX	23/02/2023	24/02/2023	13/03/2023	Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	IDV	HNX	22/02/2023	23/02/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	DNC	HNX	21/02/2023	22/02/2023	28/03/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	S4A	HOSE	21/02/2023	22/02/2023	15/03/2023	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SMB	HOSE	20/02/2023	21/02/2023	28/02/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TPB	HOSE	20/02/2023	21/02/2023	03/03/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	ICG	HNX	17/02/2023	20/02/2023	09/03/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	EIB	HOSE	17/02/2023	20/02/2023		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	DTV	UPCoM	17/02/2023	20/02/2023	12/04/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VPI	HOSE	16/02/2023	17/02/2023	27/02/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	DPM	HOSE	16/02/2023	17/02/2023	22/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SHP	HOSE	16/02/2023	17/02/2023	28/02/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	THP	UPCoM	14/02/2023	15/02/2023	01/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	FIR	HOSE	13/02/2023	14/02/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	DNH	UPCoM	13/02/2023	14/02/2023	28/02/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	ITD	HOSE	13/02/2023	14/02/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	BAB	HNX	13/02/2023	14/02/2023		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:15, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
25	VIB	HOSE	09/02/2023	10/02/2023	03/03/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DNT	UPCoM	09/02/2023	10/02/2023	01/03/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SFI	HOSE	08/02/2023	09/02/2023	08/03/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	SD5	HNX	08/02/2023	09/02/2023	24/02/2023	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931